GP01 General Certification Process for Management Systems

GP 01 Quy trình chứng nhận chung dành cho các hệ thống quản lý

April 7, 2017

GP01 Management Systems 7/04/2017 © Bureau Veritas Certification 2017 – Confidential – All rights reserved

TABLE OF CONTENT
MỤC LỤC

1. Certification Proposal/Báo giá chứng nhận 3
   1.1 Application/Bảng đăng ký chứng nhận 3
   1.1.1 General process/Quy trình tổng quan 3
   1.1.2 Multi-site organisation /tổ chức đa địa điểm 3
   1.2 Proposal/báo giá 4
   1.3 Certification contract/hợp đồng chứng nhận 4
2. Bureau Veritas Certification Auditors/Các chuyên gia đánh giá chứng nhận 4
3. Pre-audit (not part of the certification process)/Đánh giá thử (không thuộc quy trình chứng nhận) 5
4. Initial audits/Đánh giá chính thức 5
   4.1 Audit phase 1/ Đánh giá giai đoạn 1 5
   4.1.1 Elements required for the performance of phase 1/ Các yếu tố cần thiết để thực hiện giai đoạn 1 . 5
   4.1.2 Provision of documents / Cung cấp tài liệu 6
   4.1.3 Audit phase 1 conclusions/ Kết luận đánh giá giai đoạn 1 6
   4.2 Certification Audit phase 2/ Đánh giá chứng nhận giai đoạn 2 7
   4.2.1 Certification audit phase 2 organisation/ Tổ chức đánh giá chứng nhận giai đoạn 2 7
   4.2.2 Opening meeting/họp khai mạc 8
   4.2.3 Performance/Thực hiện đánh giá 8
   4.2.4 Non-conformities/Điểm không phù hợp 8
   4.2.5 Review meeting/Họp xem xét 9
   4.2.6 Closing meeting/ Họp bế mạc 9
   4.2.7 Audit report/ Báo cáo đánh giá 9
5. Certification/Chứng nhận 10
6. Certification trademarks/ Nhãn hiệu chứng nhận. 10
7. Maintaining certification/Duy trì chứng nhận 11
   7.1 Surveillance audits/Đánh giá giám sát 11
   7.2 Non-conformities and corrective actions/Điểm không phù hợp và hành động khắc phục 11
8. Renewal audit/Đánh giá tái chứng nhận 11
9. Extending the scope of certification/Đánh giá mở rộng phạm vi 12
10. Transfer of certification/Chứng nhận chuyển đổi 12
11. Changes to the organisation or the management system/Thay đổi tổ chức hoặc hệ thống quản lý 13
12. Transparency/tính minh bạch 13
13. Short Notice Audits/ Cuộc đánh giá được báo trước trong thời gian ngắn 13
14. Suspension or withdrawal of certification/ Đình chỉ hoặc rút giấy chứng nhận 13
15. Complaints/Khiếu nại 14
16. Appeals/ Kháng nghị 14
17. Confidentiality/Tính bảo mật 15
18. Observer participation to audits/ Quan sát viên tham gia đánh giá 25
19. Changes to accreditation rules, applicable regulation or Bureau Veritas Certification requirements/ Thay đổi quy tắc công nhận, quy định áp dụng hoặc yêu cầu chứng nhận Bureau Veritas Certification 25

This document is intended to set forth the Certification process for an organisation's management system.
Tài liệu này nhằm thiết lập quy trình Chứng nhận cho hệ thống quản lý của một tổ chức.

1. Certification Proposal/ Báo giá chứng nhận

1.1 Application/ Bảng đăng ký chứng nhận

1.1.1 General process/ Quy trình tổng quan

Bureau Veritas Certification uses the applicant's website or application form to collect the following required information:
Bureau Veritas Certification sử dụng trang đăng ký trên mạng hoặc bảng đăng ký chứng nhận để thu thập thông tin bắt buộc sau đây:

- Organisation name and contact details (name, address, etc.)
  Tên tổ chức và thông tin liên lạc (tên, địa chỉ, v.v.)
- Requested certification (certification program, scope, sites concerned, etc.)
  Yêu cầu chứng nhận (chương trình chứng nhận, phạm vi, các địa điểm liên quan, v.v.)
- Pre-audit request if applicable (not part of the certification process).
  Yêu cầu đánh giá thử nếu có (không phải là một phần của quy trình chứng nhận)
- List of certifications and qualifications already obtained
  Danh sách các chứng nhận và năng lực chuyên môn đang có
- Completed activities (process, products, clients, etc.)
  Các hoạt động đã hoàn thành (quy trình, sản phẩm, khách hàng, v.v.)
- Outsourcing information if applicable
  Thông tin nhà cung cấp bên ngoài nếu có
- Organisation structure (number of sites, employees, etc.)
  Cơ cấu tổ chức (số địa điểm, nhân viên, v.v.)
- Temporary sites, construction work …
  Các địa điểm tạm thời, công trình xây dựng…
- Specific information concerning the certification program applied to the Management System.
  Thông tin cụ thể liên quan đến chương trình chứng nhận áp dụng cho Hệ thống quản lý.

Bureau Veritas Certification also uses the following information to establish a certification proposal:
Bureau Veritas Certification cũng sử dụng thông tin sau để thiết lập báo giá chứng nhận:

- The organisation is already certified and wishes to renew or extend the scope of the certification.
  Tổ chức đã được chứng nhận và mong muốn gia hạn hoặc mở rộng phạm vi chứng nhận.
- The organisation is a multi-site or multi-branch organisation and deploys a centralised system of management.
  Tổ chức là một tổ chức nhiều địa điểm hoặc nhiều chi nhánh và triển khai một hệ thống quản lý tập trung.

1.1.2 Multi-site organization/ Tổ chức có quy mô nhiều địa điểm

A multi-site organisation owns several geographical locations (networks, regional management units, agencies, offices, …) and deploys a centralised management system.
M*ột tổ chức có quy mô nhiều địa điểm sở hữu một số địa điểm về mặt địa lý (mạng lưới, đơn vị quản lý khu vực, cơ quan, văn phòng,…) và triển khai một hệ thống quản lý tập trung.*

In this case, the system deployed shall comply with the following requirements:
Trong trường hợp này, hệ thống được triển khai phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- The organisation applies the same management system
  Tổ chức áp dụng chung một hệ thống quản lý
- All sites have been audited internally and findings reported prior to the certification audit
  Tất cả các địa điểm đã được đánh giá nội bộ và các phát hiện được báo cáo trước khi đánh giá chứng nhận
- The following activities are centralised or reported to a centralizing site:
  Các hoạt động sau đây được tập trung hoặc báo cáo cho một địa điểm tập trung:
  - ✓ Complaints and formal notice processing
    Xử lý Khiếu nại và thông báo chính thức

- ✓ Management review
  Xem xét lãnh đạo
- ✓ Corrective action assessment
  Đánh giá hành động khắc phục
- ✓ Internal audit planning and outcome assessment.
  Lập kế hoạch đánh giá nội bộ và đánh giá kết quả.

· The sites are legally or contractually tied to the central entity and the certification contract shall cover all entities concerned.
Các trang địa điểm là hợp pháp hoặc có hợp đồng ràng buộc với các thực thể trung tâm và hợp đồng chứng nhận sẽ bao gồm tất cả các thực thể liên quan.

Certification audits may be performed on a sample site audit basis in accordance with the number of sites and respective activities.
Việc đánh giá chứng nhận có thể được thực hiện trên cơ sở đánh giá các địa điểm điển hình theo số lượng các địa điểm và hoạt động tương ứng

The list of entities to be audited during the initial audit process, and during follow-up audits, automatically includes the central entity that houses all general management system operations and a relevant number of sites. This list and the audit program shall be communicated to the organisation.
Danh sách các thực thể được đánh giá trong quá trình đánh giá ban đầu và trong các quá trình đánh giá tiếp theo, tự động bao gồm thực thể trung tâm chứa tất cả các hoạt động của hệ thống quản lý chung và số lượng các địa điểm có liên quan. Danh sách này và chương trình đánh giá sẽ được thông báo cho tổ chức.

1.2 Proposal/ Đề xuất

On the basis of the information communicated by the organisation, Bureau Veritas Certification draws up a certification proposal in accordance with the national requirements set forth by the appropriate accreditation bodies and international requirements set forth by the IAF (International Accreditation Forum).
Trên cơ sở thông tin được cung cấp bởi tổ chức , Bureau Veritas Certification đưa ra một đề xuất chứng nhận phù hợp với các yêu cầu quốc gia do các tổ chức công nhận phù hợp và các yêu cầu quốc tế do IAF (Diễn đàn công nhận quốc tế) quy định.

The technical and commercial proposal drawn up by Bureau Veritas Certification covers the initial assessment and follow-up audits to maintain the certification and also a renewal audit if applicable. The proposal shall cover all temporary sites, construction work …
Đề xuất kỹ thuật và thương mại do Bureau Veritas Certification soạn thảo bao gồm đánh giá ban đầu và các đánh giá tiếp theo để duy trì chứng nhận và cả đánh giá gia hạn nếu có. Đề xuất sẽ bao gồm tất cả các địa điểm tạm thời, công trình xây dựng…

The proposal does not include any complementary audit that could prove necessary should the organisation's management system be non-compliant with the selected certification program.
Đề xuất không bao gồm bất kỳ cuộc đánh giá bổ sung nào có thể chứng minh cần thiết nếu hệ thống quản lý của tổ chức không tuân thủ chương trình chứng nhận được chọn.

In the event the audit can be performed using TAAO tools, the proposal shall set forth the measures to be implemented to ensure the security of the information that are acceptable to both parties.
Trong trường hợp cuộc đánh giá có thể được thực hiện bằng cách sử dụng các công cụ TAAO, đề xuất phải đưa ra các biện pháp được thực hiện để đảm bảo tính bảo mật của thông tin được cả hai bên chấp nhận

1.1 Certification contract/ Hợp đồng đánh giá chứng nhận

The technical and commercial proposal approved and signed by the organisation forms the Certification Contract.
Đề xuất kỹ thuật và thương mại đã được tổ chức phê duyệt và ký tên được xem như Hợp đồng chứng nhận.

On that document, the organisation may specify the time period when they would like to be audited. Upon receiving the document Bureau Veritas Certification reviews the contract and prepares the certification audit by setting up an audit team and scheduling the dates.
Trên văn bản này, tổ chức có thể xác định khoảng thời gian mong muốn cuộc đánh giá được thực hiện. Khi nhận được văn bản, Bureau Veritas Certification xem xét hợp đồng và chuẩn bị đánh giá chứng nhận bằng cách thiết lập một nhóm đánh giá viên và lên lịch cho các ngày

2. Bureau Veritas Certification Auditors/ Các chuyên gia đánh giá của Bureau Veritas Certification

All auditors are qualified auditors in accordance with the requirements of ISO 17021 standards. They all have a solid experience in both industrial and service sectors and in conducting management system audits for the activities in question (Quality, Safety or Environment, Energy, for example).
Tất cả các đánh giá viên đều là đánh giá viên đủ điều kiện theo các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 17021. Tấy cả các đánh giá viên đều có kinh nghiệm vững chắc trong cả lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ và trong việc thực hiện đánh giá hệ thống quản lý cho các hoạt động được đề cập (Chất lượng, An toàn hoặc Môi trường, Năng lượng chẳng hạn).

Auditors are appointed to conduct certification audits according to three criteria:
Đánh giá viên được chỉ định thực hiện đánh giá chứng nhận theo ba tiêu chí:

- Competence in the organisation's core activity.
  Năng lực trong hoạt động cốt lõi của tổ chức.
- Proximity of the organisation's premises.
  Gần khu vực của tổ chức.
- Availability on the certification dates requested by the organisation.
  Tình trạng sẵn có vào ngày chứng nhận theo yêu cầu của tổ chức.

Bureau Veritas Certification auditors are trained so as to ensure a field-based and pragmatic approach. Above all else, they assess the management system as a tool that enables the organisation to control and improve its activities.
Các đánh giá viên của Bureau Veritas Certification được đào tạo để đảm bảo phương pháp tiếp cận thực địa và thực tế. Trên hết, họ đánh giá hệ thống quản lý như một công cụ cho phép tổ chức kiểm soát và cải thiện hoạt động của mình

3. Pre-audit (not part of the certification process) / *Đánh giá thử (không thuộc quy trình đánh giá chứng nhận)*

A pre-audit is not part of the certification process. However, Bureau Veritas Certification may conduct them upon request by the organisation. A pre-audit is intended to assess compliance of the management system as regards the certification program requirements. It is not to be interpreted as a consulting service nor an internal audit.
Một cuộc đánh giá thử không thuộc quy trình đánh giá chứng nhận. Tuy nhiên, Tổ chức chứng nhận Bureau Veritas có thể tiến hành dịch vụ này dựa trên yêu cầu của khách hàng. Việc đánh giá thử nhằm đánh giá sự tuân thủ của hệ thống quản lý liên quan đến các yêu cầu của chương trình đánh giá chứng nhận. Nó không được hiểu là dịch vụ tư vấn hay đánh giá nội bộ.
Pre-audits are conducted by applying the same assessment process as that used for the certification process.
Việc đánh giá trước được thực hiện bằng cách áp dụng cùng một quy trình đánh giá như được sử dụng cho quá trình chứng nhận.
However, their duration and scope is inferior to a certification audit. It is recommended not to go beyond the equivalent of an annual follow-up; this limits the comprehensive nature of the evaluation to an assessment of part of the scope of the certification process or of the certification program's requirements.
A pre-audit is the observation of a situation at a given time. No action is taken after the submission of the pre-audit report.
Tuy nhiên, thời gian và phạm vi của việc đánh giá thử ít hơn so với kiểm toán chứng nhận. Không nên vượt quá mức tương đương với cuộc đánh giá theo dõi hàng năm; điều này giới hạn bản chất toàn diện của việc đánh giá

để đánh giá một phần phạm vi của quá trình chứng nhận hoặc các yêu cầu của chương trình đánh giá chứng nhận.
Việc đánh giá thử là quan sát tình huống tại một thời điểm nhất định. Không có hành động nào được thực hiện sau khi báo giá đánh giá thử được gửi.

4. <u>Initial audits/ *Đánh giá ban đầu*</u>

The organisation is provided with the name and contact information of the auditors as well as the final audit dates. The organisation may object to the appointment of an auditor. In the case of an initial audit, the certification audit is organised into two phases.
Khách hàng được cung cấp tên và thông tin liên lạc của các chuyên gia đánh giá cũng như ngày đánh giá cuối cùng. Khách hàng có thể phản đối việc bổ nhiệm một chuyên gia đánh giá. Trong trường hợp đánh giá ban đầu, đánh giá chứng nhận được chia thành hai giai đoạn.

4.1* Audit phase 1 */ Đánh giá giai đoạn 1

This audit helps assess the organisation's level of preparation for the audit.
For the performance of the audit phase 1, it is recommended the management system has been in use for at least 3 months.
Cuộc đánh giá này giúp đánh giá mức độ chuẩn bị của khách hang cho cuộc đánh giá.
Để thực hiện đánh giá giai đoạn 1, hệ thống quản lý được khuyến nghị áp dụng vào thực tế trong ít nhất 3 tháng.
Phase 1 is generally performed on site. However, in the case of an ISO 9001 certification process, it may be performed off site when the total duration of the initial audit does not exceed 3 days.
Giai đoạn 1 thường được đánh giá tại địa điểm khách hàng. Tuy nhiên, trong trường hợp của quy trình đánh giá chứng nhận ISO 9001, nó có thể thực hiện ngoài địa điểm của khách hàng khi tổng thời gian của cuộc đánh giá ban đầu không quá 3 ngày.
For ISO 14001, OHSAS 18001 and ISO 50001 certification, Bureau Veritas Certification may decide, in the event the risks relating to the certification have been assessed as low, to perform phase 1 off site.
Assessment criteria are notably:
Đối với ISO 14001, OHSAS 18001 và ISO 50001, Tổ chức chứng nhận Bureau Veritas có thể quyết định, trong trường hợp các rủi ro liên quan đến chứng nhận đã được đánh giá là thấp, để thực hiện đánh giá giai đoạn 1 ngoài địa điểm của khách hàng
Tiêu chí đánh giá đáng lưu ý:

- Level of risk relating to the activity and environmental aspects (ISO 14001), dangers (OHSAS 18001),
- energy management (ISO 50001)
  Lỗi rủi ro liên quan đến các hoạt động và các khía cạnh môi trường (ISO 14001), các mối nguy (OHSAS 18001), quản lý năng lượng (ISO 50001)
- Environmental sensitivity
  Độ nhạy môi trường
- Site regulation (ranking: not ranked / declared / recorded / authorised / Seveso)
  Quy định địa điểm đánh giá (xếp hạng: không xếp hạng / đã khai báo / đã ghi nhận / đã được ủy quyền / Seveso)
- Risk linked to certification project (mono-site, low number of employees, low risk …)
  Rủi ro liên quan đến dự án chứng nhận (địa điểm nhỏ, số lượng nhân viên thấp, rủi ro thấp…)
- Client insight
  Thông tin khách hàng chi tiết

4.1.1 <u>Elements required for the performance of phase 1</u>
During this phase, the following elements are examined by the Lead Auditor:
Các yếu tố cần thiết thực hiện cuộc đánh giá giai đoạn 1.
Trong giai đoạn này, các yếu tố sau đây được đánh giá bởi chuyên gia đánh giá viên trưởng;

- Documentation concerning key performance or significant aspects (*)
  Tài liệu liên quan đến hiệu suất chính hoặc các khía cạnh quan trọng (*)

- Management system procedure
  Quy trình hệ thống quản lý
- Objectives relating to the management system and action plans
  Các yếu tố liên quan đến hệ thống quản lý và kế hoạch hành động
- Internal audit schedule (performed and planned); the organisation's full management system should have been audited before the audit phase 1.
  Kế hoạch đánh giá nội bộ (đã thực hiện và lập kế hoạch); hệ thống quản lý đầy đủ của khách hàng nên được đánh giá trước ở giai đoạn 1.
- The minutes of the latest management review
  Các biên bản xem xét quản lý mới nhất
- List of codes, standards and regulations concerning the products and services provided (**)
  Danh sách các mã code, tiêu chuẩn và quy định liên quan đến sản phẩm và dịch vụ được cung cấp (**)
- Company organisation chart
  Sơ đồ tổ chức công ty
- Safety guidelines for the sites concerned, notably in the event a prevention plan is required
  Hướng dẫn an toàn cho các địa điểm liên quan, đặc biệt trong trường hợp cần có kế hoạch phòng ngừa
- All other additional information deemed important or useful by the organisation or requested by the Auditors
  Tất cả các thông tin bổ sung khác được coi là quan trọng hoặc hữu ích bởi khách hàng hoặc được yêu cầu bởi chuyên gia đánh giá

(*): Concerning the **environment**, the identification of environmental aspects, results of environmental analyses, and risk management systems.
Về môi trường, xác định các khía cạnh môi trường, kết quả phân tích môi trường và các hệ thống quản lý rủi ro.
Concerning **safety**, the identification of dangers, the assessment of risks and risk management systems (information that normally figures in the risk management manual).
Liên quan đến an toàn, xác định mối nguy hiểm, đánh giá rủi ro và hệ thống quản lý rủi ro (thông tin thường thấy trong sổ tay quản lý rủi ro).
For **energy**, elements relating to energy performance and specific energy usage criteria.
Đối với năng lượng, các yếu tố liên quan đến hiệu suất năng lượng và các tiêu chí sử dụng năng lượng cụ thể.
For **quality**, quality objectives and performance indicators in terms of customer satisfaction and results (products and/or services).
Đối với chất lượng, mục tiêu chất lượng và chỉ số hiệu suất về sự hài lòng của khách hàng và kết quả (sản phẩm và / hoặc dịch vụ).
(**) : Concerning the **environment**, the list of applicable legal requirements and other requirements to which the organisation subscribes.
Về môi trường, danh sách các yêu cầu pháp lý hiện hành và các yêu cầu khác mà khách hàng đăng ký.
Concerning **safety,** the list of applicable legal requirements and other requirements to which the organization subscribes relating to health and safety in the workplace.
Về an toàn, danh sách các yêu cầu pháp lý hiện hành và các yêu cầu khác mà tổ chức đăng ký liên quan đến sức khỏe và an toàn tại nơi làm việc.
Concerning **energy**, the list of applicable legal requirements and other requirements relating to energy usage, consumption and management.
Về năng lượng, danh sách các yêu cầu pháp lý hiện hành và các yêu cầu khác liên quan đến việc sử dụng năng lượng, tiêu thụ và quản lý.

4.1.2 Provision of documents/ *Cung cấp tài liệu*

If phase 1 is conducted off site, when confirming the scheduling of the audit, Bureau Veritas Certification requests the organisation provide all or part of the documents listed in paragraph 4.1.1 above to the audit team at least 6 weeks before the date of the certification audit.

Nếu giai đoạn 1 được thực hiện ngoài địa điểm khách hàng, khi xác nhận lịch đánh giá, tổ chức chứng nhận Bureau Veritas yêu cầu khách hàng cung cấp tất cả hoặc một phần tài liệu được liệt kê trong đoạn 4.1.1 ở trên cho đoán đánh giá ít nhất 6 tuần trước ngày đánh giá chứng nhận.

4.1.3 Audit phase 1 conclusions / *Kết luận đánh giá giai đoạn 1*
At the end of phase 1, the auditor verifies: *Vào cuối giai đoạn 1, đánh giá viên xác nhận:*

- The feasibility of phase 2
  Tính khả thi của giai đoạn 2
- The regulatory and legal aspects the organisation should adhere to and all related risks
  Các khía cạnh pháp lý và pháp lý mà khách hàng phải tuân thủ và tất cả các rủi ro liên quan
- The information submitted by the organization
  Các thông tin do khách hàng gửi
- If the organisation has received formal notice from the administration, or if administrativeregularisation is on-going.
  Nếu khách hàng đã nhận được thông báo chính thức từ bộ phận admin, hoặc nếu bộ phận quản trị đang diễn ra.

An audit phase 1 report is drawn up and submitted to the organisation. This report determines the admissibility of the file and confirms, following consultation with the organisation, if phase 2 of the audit can be performed.
Báo cáo đánh giá giai đoạn 1 được lập và gửi cho khách hàng. Báo cáo này xác định sự chấp nhận của tập tin và xác nhận, sau khi tham khảo ý kiến với khách hàng, nếu giai đoạn 2 của cuộc đánh giá có thể được thực hiện.

In the event potential dysfunctions or non-conformities are noted, the auditor shall determine if the time allotted between phase 1 and phase 2 audits is long enough for corrective measures to be implemented and if the audit phase 2 can be confirmed or not.
Trong trường hợp bất đồng quan điểm hoặc sự không phù hợp có thể xảy ra, đánh giá viên sẽ xác định xem thời gian được phân bổ giữa giai đoạn 1 và giai đoạn 2 có đủ để thực hiện các hành động khắc phục và nếu đánh giá giai đoạn 2 có được xác nhận hay là không.

If, as requested by the organisation, phase 2 is scheduled within under 45 days of phase 1, and if phase 1 findings mean it is not possible to conduct phase 2 as planned, Bureau Veritas Certification reserves the right to invoice all costs relating to the postponement of the audit phase 2.
Nếu, theo yêu cầu của khách hàng, giai đoạn 2 được lên lịch trong vòng chưa đầy 45 ngày từ giai đoạn 1 và nếu giai đoạn 1 phát hiện có nghĩa là không thể tiến hành giai đoạn 2 theo kế hoạch, Tổ chức chứng nhận Bureau Veritas có quyền lập hoá đơn tất cả các chi phí liên quan đến trì hoãn giai đoạn kiểm toán 2.

If phase 2 cannot be conducted within 90 days, Bureau Veritas Certification reserves the right to conduct another audit phase 1 (following the drawing up of an amendment to the contract).
Nếu giai đoạn 2 không thể được thực hiện trong vòng 90 ngày, tổ chức chứng nhận Bureau Veritas có quyền tiến hành đợt đánh giá giai đoạn 1 khác (sau khi lập bản sửa đổi hợp đồng).

If, following the audit phase 1, the lead auditor believes the organisation is not ready for phase 2, a new audit phase 1 shall be proposed and require an amendment to the contract is drawn up.
Nếu, sau đánh giá giai đoạn 1, đánh giá viên trưởng tin rằng khách hàng chưa sẵn sàng cho giai đoạn 2, giai đoạn 1 sẽ được đề xuất mới lại và yêu cầu sửa đổi hợp đồng được soạn thảo.

4.2 Certification Audit phase 2 */ Đánh giá giai đoạn 2*

The aim of this phase is to verify the implementation and efficiency of the management system in relation to the selected certification program, notably concerning the following:
Mục đích của giai đoạn này là để xác minh việc thực hiện và hiệu quả của hệ thống quản lý liên quan đến chương trình chứng nhận được lựa chọn, đặc biệt liên quan đến những điều sau đây:

- The information and proof of conformity with all requirements of the standard relating to the management system or other applicable normative documents
  Thông tin và bằng chứng về sự phù hợp với tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn liên quan đến hệ thống quản lý hoặc các văn bản quy phạm hiện hành khác

- The monitoring, measuring, reporting and review of performance in relation to key performance objectives and targets (in line with expectations concerning the management system standards or other applicable normative documents)
  Theo dõi, đo lường, báo cáo và đánh giá hiệu suất liên quan đến các mục tiêu và mục tiêu hoạt động chính (phù hợp với các kỳ vọng liên quan đến tiêu chuẩn hệ thống quản lý hoặc các tài liệu áp dụng hiện hành khác)
- The organisation's management system and performance in relation to regulatory compliance
  Hệ thống quản lý và hiệu suất của khách hàng liên quan đến việc tuân thủ quy định
- The operational management of the organisation's procedures
  Quản lý hoạt động của các thủ tục của khách hàng
- The internal audits and management reviews
  Các đánh giá nội bộ và đánh giá quản lý
- Management responsibility in relation to organisational policies
  Trách nhiệm quản lý liên quan đến chính sách tổ chức
- The links between normative requirements, policy, performance objectives and targets, all applicable legal requirements, responsibilities, employee skills, operations, procedures, performance and results data and internal audit findings.
  Các liên kết giữa các yêu cầu, chính sách, mục tiêu và mục tiêu hiệu suất, tất cả các yêu cầu pháp lý, trách nhiệm, kỹ năng của nhân viên, hoạt động, thủ tục, hiệu suất và dữ liệu kết quả và kết quả đánh giá nội bộ.

In order to facilitate the audit the organisation shall:
Để tạo thuận lợi cho việc đánh giá, khách hàng sẽ:

- Provide the audit team with all the documents and information required.
  Cung cấp cho đoàn đánh giá tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết.
- Grant full access to the facilities and facilitate contact with employees.
  Có quyền truy cập đầy đủ vào các cơ sở và tạo điều kiện tiếp xúc với nhân viên.

The audit in no way replaces the regulatory controls performed by the relevant authorities.
Việc đánh giá không thay thế các điều khiển quy định được thực hiện bởi các cơ quan có liên quan.

4.2.1 Certification audit phase 2 organisation /Đánh giá chứng nhận giai đoạn 2

The audit leader prepares and schedules phase 2 with the organisation and communicates the programme at least 2 weeks prior to the audit phase 2 date.
Trưởng đoàn đánh giá chuẩn bị và lên lịch giai đoạn 2 với khách hàng và giao tiếp chương trình ít nhất 2 tuần trước ngày kiểm toán 2.

It shall detail the elements of the organisation's set up that shall be audited and include a schedule of the different stages. The programme may be modified according to last minutes constraints.
Nó sẽ nêu chi tiết các yếu tố của khách hàng được thiết lập sẽ được đánh giá và bao gồm lịch trình của các giai đoạn khác nhau. Chương trình có thể được sửa đổi theo các ràng buộc phút cuối.

The audit plan takes into consideration any activities that may occur during shift changing operations.
Kế hoạch đánh giá được xem xét bất kỳ hoạt động nào có thể xảy ra trong quá trình thay đổi hoạt động.

4.2.2 Opening meeting/ Họp khai mạc

The audit starts with a meeting with the directors of the company and to which company representatives are invited. The objectives of the meeting are as follows:

a. presentation of the participants and definition of their roles;
b. confirmation of the scope of certification;
c. confirmation of the audit program (including type and scope, objectives and criteria), any changes or important provisions, such as time and date of the closing meeting, intermediary meetings between the audit team and management;
d. confirmation of the channels of communication between the audit team and the organisation;
e. confirmation of the availability of the resources and logistics required by the audit team;
f. confirmation of points relating to the confidentiality of any information;

g. confirmation of health and safety measures for the audit team;
h. confirmation of the availability, role and identity of guides and observers;
i. information concerning reporting methods;
j. information concerning the conditions under which the audit may be terminated prematurely;
k. confirmation the lead auditor and audit team, as representatives of the certification body, are responsible for the audit and the performance of the audit plan, including audit activities and its progression;
l. confirmation of the status of previous findings, when applicable;
m. presentation of the methods and procedures used to conduct the audit on a sample basis;
n. confirmation of the language used during the audit;
o. confirmation that, during the audit, the organisation shall be informed of the progress made;
p. provide an opportunity for the client to ask any questions relating to the audit

4.2.2 Họp khai mạc
Cuộc đánh giá bắt đầu với một cuộc họp với các giám đốc của công ty và các đại diện công ty được mời. Các mục tiêu của cuộc họp như sau:
a) trình bày của những người tham gia và định nghĩa về vai trò của họ;
b) xác nhận phạm vi chứng nhận;
c) xác nhận chương trình đánh giá (bao gồm loại đánh giá và phạm vi, mục tiêu và tiêu chí), mọi thay đổi hoặc quy định quan trọng, chẳng hạn như thời gian và ngày họp, cuộc họp trung gian giữa nhóm đánh giá và quản lý;
d) xác nhận các kênh truyền thông giữa nhóm đánh giá và tổ chức;
e) xác nhận sự sẵn có của các nguồn lực và hậu cần theo yêu cầu của nhóm đánh giá;
f) xác nhận các điểm liên quan đến tính bảo mật của bất kỳ thông tin nào;
g) xác nhận các biện pháp an toàn và sức khỏe cho nhóm đánh giá;
h) xác nhận tính khả dụng, vai trò và sự đồng nhất của hướng dẫn viên và quan sát viên;
i) thông tin liên quan đến phương pháp báo cáo;
j) thông tin liên quan đến các điều kiện theo đó cuộc đánh giá có thể bị chấm dứt sớm;
k) xác nhận trưởng đoàn đánh giá và nhóm đánh giá, là đại diện của cơ quan chứng nhận, chịu trách nhiệm đánh giá và thực hiện kế hoạch đánh giá, bao gồm các hoạt động đánh giá và tiến trình đánh giá;
l) xác nhận tình trạng của các phát hiện trước đó, nếu có;
m) trình bày các phương pháp và thủ tục được sử dụng để tiến hành đánh giá trên một cơ sở mẫu;
n) xác nhận ngôn ngữ được sử dụng trong quá trình đánh giá;
o) xác nhận rằng, trong quá trình đánh giá, tổ chức phải được thông báo về tiến trình đã thực hiện;
p) tạo cơ hội cho khách hàng hỏi bất kỳ câu hỏi nào liên quan đến đánh giá

4.2.3 Performance/ Thực hiện đánh giá

The on-site audit is based on interviews with employees, the observation of procedures and activities and the review of documents and records during which the auditors assess whether the measures defined in the management system are implemented at all levels of the organisation and respect the requirements of the applicable standards.
Việc đánh giá tại địa điểm tổ chức được đánh giá được thực hiện dựa trên các cuộc phỏng vấn với nhân viên, quan sát các quy trình và hoạt động và xem xét các tài liệu và hồ sơ trong đó các đánh giá viên đánh giá liệu các biện pháp được xác định trong hệ thống quản lý có được thực hiện ở mọi cấp độ của tổ chức hay không và tuân thủ các yêu cầu của các tiêu chuẩn áp dụng.

Particularities concerning Environment, Safety and Energy audits
Các đặc điểm liên quan đến kiểm tra môi trường, an toàn và năng lượng
For ISO 14001, OHSAS 18001 and ISO 50001 certification audits, the organisation shall enable the auditing of sub-contractors working on-site for the audit team to verify their awareness and respect of the operating standards implemented by the organisation requesting certification.
Đối với các đánh giá chứng nhận ISO 14001, OHSAS 18001 và ISO 50001, tổ chức sẽ cho phép đánh giá các nhà thầu phụ làm việc tại chỗ cho nhóm đánh giá để xác minh sự nhận thức và tôn trọng các tiêu chuẩn hoạt động của tổ chức yêu cầu chứng nhận.

4.2.4 Non-conformities/ Sự không phù hợp

Non-conformities fall into two categories: minor and major.
Sự không phù hợp chia thành hai loại: nhỏ và lớn.

- Minor non-conformities: Not satisfying a requirement that does not affect the management system's capacity to achieve expected results
  Sự không phù hợp nhỏ: Không đáp ứng yêu cầu mà không ảnh hưởng đến khả năng đạt được kết quả mong đợi của hệ thống quản lý
- Major non-conformities: Not satisfying a requirement that affects the management system's capacity to achieve expected results.
  Sự không phù hợp lớn: Không đáp ứng yêu cầu ảnh hưởng đến khả năng đạt được kết quả mong đợi của hệ thống quản lý

Identified non-conformities shall always meet the following three criteria:
Sự không phù hợp được xác định theo ba tiêu chí sau:

- They are objective and founded on the failure to comply with a specification of the certification program or a provision required by the organisation
  là khách quan và được thành lập khi không tuân thủ một đặc điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chứng nhận hoặc một điều khoản theo yêu cầu của tổ chức
- They are based on evidence, never on presumptions.
  được dựa trên bằng chứng, không bao giờ dựa trên giả định
- They are understood by the organisation.
  được hiểu bởi tổ chức.

Từ thời điểm đó, tổ chức có thể triển khai các hành động khắc phục để giải quyết sự không phù hợp.
From that point on, the organisation can deploy corrective actions to resolve the non-conformities.

4.2.5 Review meeting/ Họp xem xét

For audits that last several days, meetings can be organised at the end of each day to review progress and findings. Non-conformities identified during the day can be analysed.
Đối với các đợt đánh giá kéo dài vài ngày, các cuộc họp có thể được tổ chức vào cuối mỗi ngày để xem xét tiến độ và phát hiện. Sự không phù hợp được xác định trong ngày cũng có thể được phân tích.

4.2.6 Closing meeting/ Họp kết thúc

At the end of the audit, a closing meeting is organised by the lead auditor with the management staff. If possible it should gather the same participants as those present at the opening meeting.
Cuối cuộc đánh giá, trưởng đoàn tổ chức họp kết thúc với nhân sự cấp quản lý của tổ chức. Nếu có thể, cần có sự tham gia của nhân sự có mặt trong buổi họp khai mạc

During the closing meeting the lead auditor should:
Trong cuộc họp kết thúc, trưởng đoàn đánh giá nên

- Present any identified non-conformity
  Trình bày bất kỳ sự không phù hợp được xác định nào
- Check the information that will appear on the certificate
  Kiểm tra thông tin sẽ thể hiện trên giấy chứng nhận
- Indicate his/her conclusions and recommendations in relation to the certification
  Cho biết kết luận và khuyến nghị của mình liên quan đến chứng nhận

When performed electronically, it is not necessary for the documents to be signed.
Khi cuộc họp được thực hiện theo hình thức tài liệu điện tử, không cần thiết phải ký giấy tờ.

4.2.7 Audit report/ Báo cáo đánh giá

Within 90 days of the end-of-audit meeting the organisation submits their reply regarding the non-conformity reports to the lead auditor.
Trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp đánh giá, tổ chức gửi trả lời của họ về các báo cáo không phù hợp cho trưởng đoàn đánh giá.

If the non-conformities are not closed within 90 days, an additional 3 months may be granted and a complementary audit scheduled with an amendment to the contract.
Nếu sự không phù hợp không được đóng trong vòng 90 ngày, có thể được cấp thêm 3 tháng và một cuộc đánh giá bổ sung được lên lịch với một phụ lục hợp đồng.

If major non-conformities are not closed within a 6-month period, a full review is required.
Nếu các trường hợp không phù hợp chính không được đóng trong vòng 6 tháng, thì cần phải có đánh giá đầy đủ

Generally speaking minor non-conformities may be closed on the basis of planned actions. Such actions shall always be verified during the next audit.
Nói chung, các sự không phù hợp nhỏ có thể được đóng trên cơ sở các hành động được lên kế hoạch. Các hành động như vậy sẽ luôn được xác minh trong lần đánh giá tiếp theo.

Major non-conformities can only be closed after the effective implementation of the corrective actions has been checked. Corrective actions can be checked through document sharing or during a complementary audit. Should that be the case an amendment to the contract is submitted to the organisation.
Các điểm không phù hợp lớn chỉ có thể được đóng sau khi đã thực hiện hiệu quả các biện pháp khắc phục. Các hành động khắc phục có thể được đánh giá thông qua chia sẻ tài liệu hoặc trong quá trình đánh giá bổ sung. Trong trường hợp đó, phụ lục hợp đồng được gửi cho tổ chức.

In the event the number and nature of the non-conformities (notably in terms of application) reveals a number of serious dysfunctions, Bureau Veritas Certification may request an additional audit is performed, following the certification.
Trong trường hợp số lượng và tính chất của các sự không phù hợp (đặc biệt là trong điều khoản của bảng đăng ký chứng nhận) cho thấy một số ảnh hưởng nghiêm trọng, Bureau Veritas Certification có thể yêu cầu đánh giá bổ sung được thực hiện, sau khi chứng nhận.

The final report is sent to the client when the non-conformities have been closed.
Báo cáo cuối cùng được gửi cho khách hàng khi các sự không phù hợp đã được đóng

5. Certification/ Chứng nhận

The application is reviewed and approved by a certification committee.
Đơn đăng ký chứng nhận được xem xét và phê duyệt bởi hội đồng chứng nhận
One or more Bureau Veritas Certification certificates are issued to the organisation. They state the following:
BVC có thể cấp một hoặc nhiều chứng nhận cho một tổ chức. Chứng nhận ghi rõ:

- The organisation's name.
  Tên của tổ chức được chứng nhận
- The applicable certification standard
  Tên tiêu chuẩn áp dụng
- The scope of the certified activities
  Phạm vi chứng nhận
- The site(s) concerned, their address and activities for multi-site organisations.
  Các địa điểm chứng nhận, địa chỉ và hoạt động của từng địa điểm
- The certification cycle start and end dates (duration: 3 years for a normal cycle).
  Ngày bắt đầu và kết thúc của chu kỳ chứng nhận (thời hạn: thông thường là 3 năm)

This certification does not cover certification for the products or services provided by the organisation and does not exempt the organisation from respecting its legal obligations.
Chứng nhận này không bao gồm chứng nhận sản phẩm hoặc dịch vụ do tổ chức cung cấp và không miễn trừ trách nhiệm tuân thủ pháp luật của tổ chức
If required, parallel procedures may be implemented for the issuance of certificates that are recognised in other countries.

The certification committee may request additional information or demand that additional investigations be carried out before making a decision or may subject their decision to a complementary follow-up visit.

In accordance with ISO 17021 standard, Bureau Veritas Certification provides access to on-going active certifications via its website.
Hội đồng chứng nhận có thể yêu cầu thêm thông tin hoặc kiểm tra thêm trước khi ra quyết định hoặc có thể ra quyết định nên có thêm một cuộc đánh giá theo dõi. Theo y/c của ISO 17021, BVC cung cấp quyền truy cập các hoạt động chứng nhận đang diễn ra trên website

6. Certification trademarks/ Nhãn hiệu chứng nhận

With the certificate, Bureau Veritas Certification France also provides the organisation with the required instructions on certification trademark uses.

Certification trademarks are used to promote the certification of the organisation's management system and may be added to company documentation.
The use of the certification trademarks is subject to the respect of the communications guide provided to all clients. Use of accreditation trademarks is forbidden (unless authorised by Bureau Veritas Certification).

Bureau Veritas Certification supervies the use of logos and certificates during its audit activities by verifying the certification trademarks are:
BVC sẽ giám sát việc sử dụng logo và chứng chỉ trong quá trình chứng nhận bằng cách kiểm tra việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận:

- Fully reproduced, with the colour and format that comply with the corporate style guidelines
  Được sử dụng đúng màu và mẫu theo quy định của tập đoàn
- Used to promote the certification of the organisation's system and not its products or services.
  Được sử dụng để quảng cáo việc chứng nhận hệ thống, không phải chứng nhận sản phẩm hoặc dịch vụ
- Not used in any misleading way with regards the certification.
  Không sử dụng gây hiểu nhầm về việc chứng nhận

The organisation also commits to the following requirements:
Tổ chức đồng thời phải cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- To comply with Bureau Veritas Certification requirements when referring to the situation of the certification through communication means (website, brochures, advertising, etc.),
  Tuân thủ y/c của BVC khi sử dụng các thông tin chứng nhận (website, brochure, quảng cáo…)
- To not make any misleading or false declaration concerning the certification,
  Không giải thích sai hoặc gây hiểu nhầm về việc chứng nhận
- To not use or authorize the improper use of any certification document, either in part or in full,
  Không sử dụng hoặc ủy quyền sử dụng không đúng bất kỳ tài liệu chứng nhận nào, dù là một phần hay toàn bộ tài liệu
- To cease immediately, in the event of the suspension or withdrawal of the certification, all communications referring to a status of 'certified' organisation
  Ngay lập tức dừng việc sử dụng nhãn hiệu trong trường hợp bị đình chỉ và thu hồi giấy chứng nhận, mọi trao đổi thông tin liên quan đến tình trạng "được chứng nhận" của tổ chức
- To modify all communication in the event the scope of the certification is reduced,
  Điều chỉnh thông tin trong trường hợp phạm vi chứng nhận bị giảm
- To not refer to the certification of the management system in a way that may imply a product (including services) or a process is certified,
  Không tham chiếu việc chứng nhận hệ thống theo cách có thể gây hiểu nhầm rằng chứng nhận sản phẩm (bao gồm dịch vụ) hoặc chứng nhận một quá trình
- To not imply the certification applies to activities not covered by the scope of the certification, and
  Không ngầm chỉ việc chứng nhận áp dụng cho các hoạt động không nằm trong phạm vi chứng nhận, và
- To not use certification in a way that could damage the reputation of Bureau Veritas Certification or the certification scheme and not prejudice the trust the public has in it.
  Không sử dụng hình ảnh chứng nhận gây mất uy tín cho BVC hoặc cho đơn vị phát hành tiêu chuẩn và không tạo niềm tin xấu của cộng đồng đối với tiêu chuẩn

7. Maintaining certification/ Duy trì chứng nhận

Surveillance audits are conducted to ensure the certificate is maintained throughout its validity period by checking the management system continues to comply with the selected certification programme.
Đánh giá kiểm tra định kỳ được thực hiện nhằm đảm bảo rằng giấy chứng nhận được duy trì trong thời hạn hiệu lực bằng cách kiểm tra việc quản lý hệ thống có được tiếp tục và tuân thủ theo các y/c của các tiêu chuẩn tương ứng hay không

In addition, they help detect weaknesses and identify improvement opportunities that can help the organisation improve its performance with the implementation of continuous improvement initiatives.
Ngoài ra, cuộc đánh giá kiểm tra định kỳ sẽ giúp phát hiện các điểm yếu và nhận diện các cơ hội cải tiến hệ thống, nhằm giúp các tổ chức cải thiện hiệu quả hoạt động thông qua việc thực hiện các sáng kiến cải tiến liên tục

7.1 Surveillance audits/ Kiểm tra định kỳ

The first surveillance audit is *scheduled* within 12 months of the final day of the audit phase 2. Subsequent surveillance audits are scheduled once a year, except certification renewal years. The organisation is free to request they are conducted on another frequency (for example every 6 or 9 months).
cuộc đánh giá kiểm tra định kỳ đầu tiên phải được lên lịch trong vòng 12 tháng kể từ ngày cuối cùng của cuộc đánh giá giai đoạn 2. Các cuộc đánh giá kiểm tra định kỳ tiếp theo phải được lên lịch hàng năm, trừ trường hợp tái chứng nhận. Tổ chức có quyền y/c tiến hành cuộc đánh giá kiểm tra định kỳ với tần suất khác (ví dụ 6 hoặc 9 tháng một lần)

For multi-site organisations each surveillance visit shall cover the central site as well as an appropriate number of sites
Đối với các tổ chức có nhiều địa điểm, mỗi cuộc đánh giá kiểm tra định kỳ phải bao quát văn phòng chính cũng như một số lượng các địa điểm phù hợp

Surveillance audits are partial audits whose content is defined and organised by the lead auditor during the initial certification audit or certification renewal audit.
Cuộc đánh giá kiểm tra định kỳ là một phần của nội dung đánh giá do Trưởng đoàn xác định và lập kế hoạch trong lần đánh giá chứng nhận đầu tiên hoặc tái chứng nhận

7.2 Non-conformities and corrective actions/ Sự không phù hợp và hành động khắc phục

Any non-conformities identified during a surveillance audit should be dealt with in the same way as with an initial certification audit.
Bất kỳ sự không phù hợp nào trong quá trình đánh giá kiểm tra định kỳ phải được xử lý tương tự với cuộc đánh giá chứng nhận ban đầu

In the event of a major non-conformity or any other situation that could lead to the suspension or withdrawal of the certification, the audit report is examined by a certification committee that decides whether to maintain or suspend the certification.
Trong trường hợp có sự không phù hợp lớn hay bất kỳ tình huống nào khác có thể dẫn đến sự đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận, báo cáo đánh giá sẽ được hội đồng chứng nhận xem xét và quyết định có nên duy trì hay đình chỉ việc chứng nhận.

In the event a non-conformity is not closed within 90 days, certification may be suspended.
Trong trường hợp sự không phù hợp không được xử lý trong vòng 90 ngày, giấy chứng nhận sẽ bị đình chỉ

8. Renewal audit/ Đánh giá tái chứng nhận

Renewal audits are scheduled before the end of the certification validity period to give the organisation enough time to close any potential non-conformities before the expiry date and the certification committee the time to make a decision concerning the renewal. The scope of certification is checked prior to each renewal audit.
Đánh giá tái chứng nhận được lên lịch trước khi kết thúc thời hạn hiệu lực của chứng nhận để cho tổ chức có đủ thời gian đóng tất cả các điểm không phù hợp trước ngày hết hạn và Ban chứng nhận có đủ thời gian để đưa ra quyết định về việc gia hạn. Phạm vi chứng nhận được kiểm tra trước mỗi lần thực hiện đánh giá

Renewal audits are conducted in just one phase, unless the organisation's management system has undergone major changes or in the case of other specific criteria (complexity of the activity, number of sites, risks related to the activity, certification standards). The renewal audit takes into consideration the results of the latest surveillance audits.
Việc đánh giá gia hạn được tiến hành chỉ trong một giai đoạn, trừ khi hệ thống quản lý của tổ chức đã trải qua những thay đổi lớn hoặc trong trường hợp các tiêu chí cụ thể khác (tính phức tạp của hoạt động, số lượng địa điểm đánh giá, rủi ro liên quan đến hoạt động, tiêu chuẩn chứng nhận). Việc đánh giá gia hạn sẽ xem xét kết quả của các cuộc đánh giá định kỳ gần nhất

The organisation should apply the corrective actions in the event of non-conformities before the previous certificate expires. The conditions are the same as for an initial certification.
Tổ chức nên áp dụng các hành động khắc phục trong trường hợp tìm thấy điểm không phù hợp trước khi chứng chỉ cũ hết hạn. Các điều khoản cũng giống với lần chứng nhận ban đầu

Following expiration of certification, the certification body can restore certification within 6 months provided that the outstanding recertification activities are completed, otherwise at least a stage 2 shall be conducted.
Sau khi Giấy chứng nhận bị hết hạn, cơ quan chứng nhận có thể khôi phục lại Giấy chứng nhận trong vòng 6 tháng khi chứng minh được các hoạt động đánh giá tái chứng nhận đã được hoàn thành, nếu không thì ít nhất là giai đoạn 2 sẽ được tiến hành

The effective date on the certificate shall be on or after the recertification decision and the expiry date shall be based on prior certification cycle.
Ngày hiệu lực trên giấy chứng nhận phải vào đúng ngày hoặc sau khi có quyết định được tái chứng nhận và ngày hết hạn sẽ dựa trên chu kỳ chứng nhận trước

In order to maintain the original certification date, the decision to certify should be made before the previous certificate expires
Để duy trì ngày chứng nhận ban đầu, quyết định chứng nhận phải được thực hiện trước khi chứng chỉ cũ hết hạn

The certification body can keep the original certification date on the certificate when a certificate lapses for a period of time provided that:
Cơ quan chứng nhận có thể giữ ngày chứng nhận gốc trên Giấy chứng nhận khi Giấy chứng nhận bị một khoảng thời gian, miễn là

- the current certification cycle start and expiry date are clearly indicated;
  Ngày bắt đầu chu kỳ chứng nhận hiện tại và ngày hết hạn được ghi rõ
- the last certification cycle expiry date be indicated along with the date of recertification audit
  Ngày hết hạn của chu kỳ chứng nhận cuối cùng được biểu thị cùng với ngày đánh giá tái chứng nhận

9. Extending the scope of certification/ Mở rộng phạm vi chứng nhận

At any moment the organisation may choose to extend or reduce its scope of certification to:
Tại bất kỳ thời điểm nào, tổ chức cũng có thể chọn mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chứng nhận để:

- Integrate or remove sites from the scope of certification.
  Tích hợp hoặc giảm bớt các địa điểm trong phạm vi chứng nhận
- Include or remove activities performed by the organisation.
  Thêm hoặc bớt các hoạt động của tổ chức
- Cover new certification standards or take into consideration new accreditation standards or rules.
  Tích hợp các tiêu chuẩn chứng nhận mới hoặc xem xét các tiêu chuẩn hoặc quy tắc công nhận mới.

In the event of an extension, the organisation must conduct an internal audit in accordance with the extension. Bureau Veritas Certification may launch a specific audit, if required, to validate the certification extension.
Trong trường hợp gia hạn, tổ chức phải tiến hành đánh giá nội bộ dựa theo phần nội dung mở rộng. Bureau Veritas Certification có thể tiến hành một cuộc đánh giá cụ thể, nếu cần, để xác thực phần chứng nhận mở rộng

10. Transfer of certification/ Chuyển đổi chứng nhận

Bureau Veritas Certification France can decide to take over an organisation's certification cycle. A technical and commercial proposal is drawn up on the basis of the certification cycle.

Bureau Veritas Certification Pháp có thể quyết định tiếp quản chu trình chứng nhận của tổ chức. Một đề xuất kỹ thuật và báo giá sẽ được soạn thảo dựa trên chu kỳ chứng nhận

To monitor the transfer of the application, a technical control is performed to verify:
Để giám sát việc chuyển giao, việc kiểm soát kỹ thuật được thực hiện để xác minh:

- The validity of the current certification (accreditation, authenticity, duration, scope, motive for transfer)
  Tính hợp lệ của chứng nhận hiện tại (tổ chức công nhận, tính xác thực, thời lượng, phạm vi, động cơ để chuyển đổi)
- Previous audit reports and the absence of unclosed non-conformities
  Các báo cáo đánh giá trước đó và các điểm không phù hợp chưa được khắc phục
- Complaints received and actions taken
  Khiếu nại được giải quyết và hành động khắc phục đã được thực hiện
- Any commitment made with the authorities concerning regulatory compliance.
  Bất kỳ cam kết nào được thực hiện với các cơ quan chức năng liên quan đến việc tuân thủ quy định

Once the application has been examined, Bureau Veritas Certification France shall perform an audit or simply deliver a certificate.
Khi các thông tin đã được kiểm tra, Bureau Veritas Certification France sẽ thực hiện việc đánh giá hoặc chỉ đơn giản là cung cấp chứng chỉ.

The expiry date of the certificate is the same as the previous certificate. The audits that follow are scheduled and performed in line with the validity period of the certificate.
Ngày hết hạn của chứng chỉ mới giống như chứng chỉ trước đó. Việc kiểm tra theo dõi được lên kế hoạch và thực hiện phù hợp với thời hạn hiệu lực của chứng nhận.

For organisations changing certification body during a certification renewal audit: the process is the same as for a certification renewal audit preceded by a technical review of the transfer.
*Đối với các tổ chức thay đổi cơ quan chứng nhận trong quá trình đánh giá gia hạn chứng nhận: quy trình này giống như quy trình đánh giá gia hạn chứng nhận được thực hiện bởi việc xem xét kỹ thuật của việc chuyển gia*O

11. Changes to the organisation or the management system/ Các thay đổi đối với tổ chức hoặc hệ thống quản lý

If changes are made to the organisation (status, organisation, number of employees …), the management system or scope of certification (sites, activities, …), such changes must be communicated to Bureau Veritas Certification as soon as possible. The changes are assessed to verify their compatibility with the standards and certification programs and assess their impact on the duration of an audit. A special monitoring audit may be scheduled if required.
Nếu thay đổi được thực hiện cho tổ chức (trạng thái, cơ cấu tổ chức, số lượng nhân viên…), hệ thống quản lý hoặc phạm vi chứng nhận (trang web, các hoạt động, ...), những thay đổi đó phải được thông báo cho Bureau Veritas Certification càng sớm càng tốt. Các thay đổi được đánh giá để xác minh tính tương thích của chúng với các tiêu chuẩn và các chương trình chứng nhận và đánh giá tác động của chúng trong suốt thời gian đánh giá. Một cuộc đánh giá giám sát đặc biệt có thể được lên lịch nếu cần thiết

The changes are communicated to the lead auditor and reviewed during the surveillance audit.
Các thay đổi được truyền đạt đến trưởng đoàn đánh giá và được xem xét trong suốt quá trình đánh giá giám sát

12. Transparency/ Tính minh bạch

If the organisation is contacted by the authorities to remedy a certain situation during the certification cycle, the organisation must inform Bureau Veritas Certification as rapidly as possible.
Nếu tổ chức được cơ quan có thẩm quyền liên hệ để khắc phục tình huống nhất định trong chu kỳ chứng nhận, tổ chức phải thông báo cho Bureau Veritas Certification càng nhanh càng tốt

In the event of an incident and the danger of accidental pollution or in the event of pollution that involved the intervention of the authorities or local press, the organisation shall inform Bureau Veritas Certification as rapidly as possible.

Trong trường hợp có sự cố và nguy cơ của việc ô nhiễm ngẫu nhiên hoặc trong trường hợp ô nhiễm có liên quan đến sự can thiệp của chính quyền hoặc báo chí địa phương, tổ chức phải thông báo cho Bureau Veritas Certification càng nhanh càng tốt

13. Short Notice Audits/ Cuộc đánh giá thông báo trong thời gian ngắn

Bureau Veritas Certification may audit certified organisations at very short notice in order to investigate complaints, following changes in the management system or to follow-up on suspended organisations.
The organisation must accept such audits (there can be a certain flexibility with the dates).
Bureau Veritas Certification có thể kiểm tra các tổ chức được chứng nhận với thông báo nhỏ để điều tra các khiếu nại, dựa theo các thay đổi trong hệ thống quản lý hoặc theo dõi các tổ chức bị đình chỉ.
Tổ chức phải chấp nhận các cuộc kiểm tra như vậy (có thể có sự linh hoạt nhất định về ngày tháng).

14. Suspension or withdrawal of certification/ Đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận

Bureau Veritas Certification reserves the right to suspend or withdraw a certificate already issued at any time during its validity period.
Bureau Veritas Certification có quyền đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp vào bất kỳ lúc nào trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận

A certificate may be suspended or withdrawn in the following situations:
Giấy chứng nhận sẽ bị đình chỉ hoặc thu hồi trong các tình huống sau:

- The lead auditor requests it following the audit and after approval by the certification committee.
  Trưởng đoàn đánh giá yêu cầu sau khi tiến hành đánh giá và sau khi có sự phê duyệt của hội đồng chứng nhận
- The organisation fails to submit acceptable responses within the announced deadline following any non-conformity report.
  Tổ chức không phản hồi báo cáo sự không phù hợp trong khoảng thời gian quy định đã báo trước
- The organisation misuses the certification trademarks
  Tổ chức sử dụng sai nhãn hiệu chứng nhận
- The organisation fails to comply with the technical and business agreements signed into with Bureau Veritas Certification
  Tổ chức không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và các điều khoản Hợp đồng chứng nhận đã ký với Bureau Veritas Certification
- The organisation did not make it possible to conduct the surveillance or renewal audits within the scheduled timelines, especially by failing to pay invoices within contractually binding deadlines thus making it impossible to schedule subsequent audits
  Tổ chức không thực hiện đánh giá giám sát hoặc tái chứng nhận trong khoảng đúng thời hạn, đặc biệt là không thanh toán hóa đơn đúng hạn như đã thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến không thể tiến hành kế hoạch đánh giá tiếp theo
- The organisation requested it.
  Tổ chức tự yêu cầu

During the suspension period the organisation must refrain from referring to their certification.
Trong thời gian đình chỉ, tổ chức phải tránh đề cập đến giấy chứng nhận của họ

The suspension lasts 3 months and may be extended once. The certification may be reactivated upon submission of supporting documents or after an acceptable audit outcome.
Failure to meet these conditions will result in the certification being eventually withdrawn and the contract being terminated. The organisation must immediately cease referring to their certification.
Bureau Veritas Certification may communicate on whether a certification has been suspended or withdrawn.
Việc đình chỉ kéo dài 3 tháng và có thể được gia hạn thêm 3 tháng nữa. Hiệu lực chứng nhận có thể được khôi phục lại khi cung cấp các tài liệu hỗ trợ hoặc sau khi kết quả đánh giá được phê duyệt.
Việc không đáp ứng các yêu cầu này sẽ dẫn đến việc thu hồi giấy chứng nhận và hợp đồng bị chấm dứt. Tổ chức phải dừng ngay việc đề cập đến giấy chứng nhận của họ.
Bureau Veritas Certification có thể truyền thông về việc giấy chứng nhận đã bị đình chỉ hay thu hồi.

15. Complaints/ Khiếu nại

Customers complaints are dealt with and replied to in writing.
Khiếu nại của khách hàng được xử lý và phản hồi bằng văn bản

Complaints brought by third parties are handled under the supervision of the Technical Management unit to determine if the complaint is related to a certified activity.
Các khiếu nại do bên thứ ba đưa ra được xử lý dưới sự giám sát của bộ phận Kỹ thuật để xác định xem đơn khiếu nại có liên quan đến hoạt động được chứng nhận hay không

A root cause analysis is also performed.
Việc phân tích nguyên nhân gốc rễ cũng được thực hiện.

A reply is submitted to the complainant and any corrective measures required are taken.
Bureau Veritas Certification agrees to respect complainant and organisation confidentiality requirements.
Các hành động khắc phục được yêu cầu thực hiện và phản hồi cho người khiếu nại.
Bureau Veritas Certification đồng ý tôn trọng các yêu cầu bảo mật của người khiếu nại và tổ chức.

16. Appeals/ Khiếu nại

The organisation may appeal Bureau Veritas Certification's decision in the following situations:
Tổ chức có thể kháng nghị quyết định của Bureau Veritas Certification trong các trường hợp sau:

- The application of the organisation is turned down/ *Đơn khiếu nại của tổ chức bị từ chối*
- The certificate is not delivered/ *Giấy chứng nhận không được giao*
- The certificate is suspended or withdrawn and in the event of specific certification decisions as provided for in the certification program/ *Giấy chứng nhận bị đình chỉ hoặc thu hồi và trong trường hợp có quyết định chứng nhận cụ thể như được quy định trong chương trình chứng nhận.*

Acknowledgement of receipt is sent without delay to the client.
Việc phản hồi cho khách hàng không được chậm trễ

Appeals are handled under the supervision of the Technical Management Unit.
Unless indicated otherwise in the case of a specific certification program, appeals are handled under the supervision of the Technical Management Unit.
Khiếu nại được xử lý dưới sự giám sát của bộ phận quản lý Kỹ thuật.
Trừ khi có yêu cầu khác, trong trường hợp của một số chương trình chứng nhận cụ thể, khiếu nại được xử lý dưới sự giám sát của bộ phận quản lý Kỹ thuật

For all decisions, the Technical Management Unit shall consult all authorised authorities or persons according to the situation and timeline (certification committee …).
Đối với tất cả các quyết định, Bộ phận Kỹ thuật sẽ tham vấn tất cả các cơ quan có thẩm quyền hoặc những người có liên quan theo bối cảnh và thời gian (cơ quan chứng nhận…)

In all cases, the resolution is undertaken by an individual not involved in the certification activities that gave rise to the appeal
Trong mọi trường hợp, giải pháp được thực hiện bởi một cá nhân không tham gia vào các hoạt động chứng nhận sẽ làm tăng kháng nghị

A response will be given to the client in writing
Một sự phản hồi sẽ được gửi cho khách hàng bằng văn bản

17. Confidentiality/ Bảo mật

Bureau Veritas Certification administrative staff members and auditors are committed to treating as confidential any information or document obtained or created as part of the certification activities.
Các nhân viên và đánh giá viên của Bureau Veritas Certification được cam kết bảo mật mọi thông tin hoặc tài liệu thu thập được hoặc tạo ra của hoạt động chứng nhận

That confidentiality requirement may be waived in the following situations:

· Legal purpose or administrative request
· Written agreement granted by the organisation.
· Request from the accreditation body
· Transmission of information as laid out by the certification program
Yêu cầu bảo mật này có thể được loại trừ trong các trường hợp sau:
· Mục đích pháp lý hoặc yêu cầu hành chính
· Thỏa thuận bằng văn bản do tổ chức thiết lập.
· Yêu cầu từ cơ quan công nhận.
· Truyền tải thông tin được đưa ra bởi chương trình chứng nhận

18. Observer participation to audits/ Sự tham gia đánh giá của quan sát viên

Bureau Veritas Certification France may at times call observers to attend their certification or monitoring audits.
Bureau Veritas Certification đôi khi có thể mời quan sát viên tham gia quá trình chứng nhận hoặc giám sát cuộc đánh giá.

These observers may be/ *Những người quan sát này có thể là:*
· Bureau Veritas Certification France in-house auditors (as part of auditor qualification or supervision)
· Auditors from accreditation bodies or certification scheme prescribing bodies (Bureau Veritas Certification France audit as part of accreditation programmes)
· Members of the Bureau Veritas Certification network.
· Chuyên gia đánh giá của Bureau Veritas Certification (như là một phần của quá trình thẩm định chuyên môn đánh giá viên hoặc giám sát viên).
· Đánh giá viên từ tổ chức công nhận hoặc tổ chức ban hành quy trình chứng nhận (cuộc đánh của Bureau Veritas Certification là một phần của quy trình công nhận)
· Thành viên của mạng lưới Bureau Veritas Certification.

The organisation must accept the presence of these observers.
Tổ chức phải chấp nhận sự hiện diện của những người quan sát này

19. Changes to accreditation rules, applicable regulation or Bureau Veritas Certification requirements/ Thay đổi quy tắc công nhận, quy định áp dụng hoặc các yêu cầu Bureau Veritas Certification

In the event of such changes, and if the changes impact on-going contracts, Bureau Veritas Certification shall inform its clients about the terms and conditions of the transfer in line with such changes.
Maintaining certification means respecting the terms and conditions that may be the subject of an amendment to the ongoing certification contract.
Trong trường hợp có những thay đổi này và nếu các thay đổi tác động đến các hợp đồng đang thực hiện, Bureau Veritas Certification sẽ thông báo cho khách hàng về các điều khoản và điều kiện của việc chuyển giao phù hợp với những thay đổi đó. Duy trì chứng nhận có nghĩa là tôn trọng các điều khoản và điều kiện để có thể điều chỉnh vấn đề theo hợp đồng chứng nhận đang thực hiện

Specific rules relating to the certification programmes

ISO 14001

Relevant Paragraph/ Điều khoản	Additional rules/ Yêu cầu bổ sung
1.1.2	Concerning an application for multi-site certification, the organisation must be in a position to prove its capacity to collect and analyse information from all the sites including the central site and its power, authority and capacity to implement organisational change as required: • documentation and system changes; • changes concerning the aspects and impacts relating to environmental management system and; • different regulatory requirements

	Liên quan đến việc áp dụng cho chứng nhận nhiều địa điểm, tổ chức phải chứng minh khả năng thu thập và phân tích thông tin từ tất cả các địa điểm bao gồm cả trụ sở chính và năng lực, thẩm quyền và khả năng để thực hiện thay đổi tổ chức theo yêu cầu: *• tài liệu và sự thay đổi hệ thống;* *• những thay đổi liên quan đến các khía cạnh và tác động liên quan đến hệ thống quản lý môi trường và;* *• các yêu cầu pháp lý khác nhau*.
4.2.3	In the event of a major non-conformity concerning the non-respect of regulatory and/or legal requirements, a non-conformity report is drawn up if the organisation cannot prove the following actions have been implemented: · Implementation of a relevant corrective action plan within a reasonable period of time (less than 3 years except with the express agreement of the competent authorities) · Information relating to the non-conformity to the competent authority. The organisation should provide such proof to Bureau Veritas Certification. An agreed timeline would also be welcome. Administrative update (ICPE- Registered Activities for Environmental Protection – file application for declaration, registration or authorisation procedures): In the event of an administrative update, the organisation must have filed for application at the authority and there must be an action plan designed to rectify the dysfunction between the current situation and applicable legal provisions *Trong trường hợp có sự không phù hợp lớn liên quan đến việc không tuân thủ quy định và / hoặc yêu cầu pháp lý, một báo cáo không phù hợp được soạn thảo nếu tổ chức không thể chứng minh các hành động sau đây đã được triển khai:* *· Thực hiện một hành động khắc phục có liên quan trong một khoảng thời gian hợp lý (dưới 3 năm trừ khi có sự thỏa thuận rõ ràng của cơ quan có thẩm quyền)* *· Thông tin liên quan sự không phù hợp đến cơ quan có thẩm quyền. Tổ chức phải cung cấp bằng chứng đó cho Bureau Veritas Certification. Một cam kết thời hạn được đưa ra.* *Cập nhật thủ tục hành chính (ICPE- Hoạt động đăng ký bảo vệ môi trường - tệp đơn xin làm thủ tục kê khai, đăng ký hoặc ủy quyền):* *Trong trường hợp cập nhật thủ tục hành chính, tổ chức phải nộp đơn xin tại cơ quan thẩm quyền và phải có một kế hoạch hành động được thiết kế để khắc phục sự không phù hợp giữa tình hình hiện tại và các quy định pháp luật hiện hành*
5	In the event of formal administrative notice during the application for certification procedure or during the certification cycle, the Bureau Veritas Certification committee shall take a decision concerning the certificate: issuance, suspension or withdrawal of the certification The decision is made on a case by case basis. The committee shall examine: · The notice · Action plans, application and reply from the organisation to the competent authority relating to the formal notice (with acknowledgment of receipt) · Opinion of the auditor concerning the notice and possibility of certification · Letter requesting the lifting of the formal notice if applicable. *Trong trường hợp các thông báo chính thức trong quá trình xin cấp giấy chứng nhận hoặc trong chu kỳ chứng nhận, Bureau Veritas Certification phải đưa ra quyết định liên quan đến chứng nhận: phát hành, đình chỉ hoặc thu hồi giấy chứng nhận.* *Quyết định được đưa ra theo từng trường hợp.* *Tổ chức chứng nhận sẽ kiểm tra:* *· Thông báo* *· Kế hoạch hành động, áp dụng và phản hồi của tổ chức cho cơ quan có thẩm quyền liên quan đến thông báo chính thức (với xác nhận đã nhận thông báo)* *· Ý kiến của đánh giá viên liên quan đến thông báo và khả năng chứng nhận* *· Thư yêu cầu gỡ bỏ thông báo chính thức nếu có.*

Specific rules relating to the certification programmes
ISO 50001

Relevant Paragraph/ Điều khoản	Additional rules/ Yêu cầu bổ sung
1.1.2	The conditions for eligibility for multi-site certification are detailed in ISO 50003: 2014 Annexe B. Bureau Veritas Certification shall examine the following points: · Are the procedures relating to significant energy usage and energy consumption globally the same for all sites? If not, are they grouped into sub-groups and applied using similar procedures? · Concerning the energy management system, is there confirmation the central site: ▪ Approves the documentation and system modifications; ▪ Performs the management review, collecting the information from all sites; ▪ Assesses the corrective actions and has the authority over the sites to impose their implementation; ▪ Plans the internal audit and assesses the conclusions; ▪ Shows the required capacity to collect the required information concerning local and other requirements, and to implement the organisational changes as required; ▪ Groups the findings of the internal audits of the different sites; · Concerning energy and energy performance, is there confirmation the central site: ▪ Manages and monitors energy planning to ensure the relevance of the energy ▪ planning procedure; ▪ Ensures the consistency of the determination and adjustment criteria concerning reference consumption measures, variables and relevant energy performance indicators (EnPI); ▪ Ensures the consistency of the criteria concerning the definition of objectives ▪ and targets, and also action plans for the different sites; ▪ Centralises the assessment procedure(s) concerning the relevance and efficiency of the action plans and EnPI; ▪ Takes into account and centralises data relating to energy performance to be in a position to present the energy performance for the full organisation, if applicable. *Các điều kiện đủ để chứng nhận nhiều địa điểm được nêu chi tiết trong ISO 50003: 2014. Phụ lục B.* *Bureau Veritas Certification sẽ kiểm tra các điểm sau:* *· Các thủ tục liên quan đến việc sử dụng năng lượng đáng kể và tiêu thụ năng lượng trên toàn cầu có giống nhau cho tất cả các địa điểm không? Nếu không, chúng được nhóm thành các nhóm nhỏ và được áp dụng các thủ tục tương tự?* *· Liên quan đến hệ thống quản lý năng lượng, có xác nhận trụ sở chính:* ▪ *Phê duyệt tài liệu và sửa đổi hệ thống;* ▪ *Thực hiện xem xét lãnh đạo, thu thập thông tin từ tất cả các địa điểm;* ▪ *Đánh giá các hành động khắc phục và có thẩm quyền kiểm soát việc thực hiện các địa điểm;* ▪ *Lập kế hoạch đánh giá nội bộ và đánh giá sự phù hợp;* ▪ *Thể hiện năng lực cần thiết để thu thập thông tin liên quan đến yêu cầu địa phương và các yêu cầu khác và thực hiện các thay đổi về tổ chức được yêu cầu;* ▪ *Tập hợp các kết quả đánh giá nội bộ của các địa điểm khác nhau;* *· Liên quan đến năng lượng và hiệu suất năng lượng, có xác nhận tại trụ sở chính:* ▪ *Quản lý và giám sát kế hoạch năng lượng để đảm bảo sự liên quan của quy trình lập kế hoạch năng lượng;*

	▪ *Đảm bảo tính nhất quán của các tiêu chí xác định và điều chỉnh liên quan các biện pháp tiêu thụ tham chiếu, các biến và hiệu suất năng lượng liên quan chỉ số (EnPI);* ▪ *Đảm bảo tính nhất quán của các tiêu chí liên quan đến định nghĩa các mục tiêu* ▪ *và chỉ tiêu cũng như các kế hoạch hành động cho các địa điểm khác nhau;* ▪ *Tập trung các thủ tục đánh giá liên quan đến sự liên quan và hiệu quả của các kế hoạch hành động và EnPI;* ▪ *o Đưa vào tài khoản và tập trung dữ liệu liên quan đến hiệu suất năng lượng tại một vị trí để thể hiện hiệu suất năng lượng cho toàn bộ tổ chức, nếu áp dụng.*
4.1	The audit phase 1 includes: a) confirmation of the field of application and scope of the EMS for certification; b) review of a geographic or explanatory description of the organisation's installations, its infrastructure, systems and procedures relating to the scope and field of application; c) confirmation of employee numbers dedicated to the EMS, the sources of energy, significant energy usages and annual consumption, to determine the duration of the audit; d) review of the documented results of the energy planning procedure; e) review of a list of identified energy performance improvement opportunities, the objectives, targets and action plans *Đánh giá giai đoạn 1 bao gồm:* *a) xác nhận lĩnh vực áp dụng và phạm vi của EMS cho chứng nhận;* *b) xem xét mô tả địa lý hoặc giải thích về cài đặt của tổ chức, cơ sở hạ tầng, hệ thống và thủ tục liên quan đến phạm vi và lĩnh vực áp dụng;* *c) xác nhận số nhân viên dành riêng cho EMS, nguồn năng lượng, sử dụng năng lượng đáng kể và tiêu thụ hàng năm, để xác định thời gian đánh giá;* *d) rà soát các kết quả đã được ghi nhận của quy trình lập kế hoạch năng lượng;* *e) xem xét danh sách xác định cơ hội cải tiến hiệu suất năng lượng, mục tiêu, chỉ tiêu và kế hoạch hành động.*
4.2 et 8	During the audit phase 2 and renewal audit, Bureau Veritas Certification shall gather the required audit evidence to determine whether the improvement in energy performance was made or not before taking a decision concerning certification. Confirmation of improved energy performance determines the attribution of the initial certification. *Trong đánh giá giai đoạn 2 và đánh giá tái chứng nhận, Bureau Veritas Certification sẽ thu thập bằng chứng đánh giá cần thiết để xác định liệu sự cải thiện hiệu suất năng lượng là thực hiện hay không trước khi đưa ra quyết định liên quan đến chứng nhận. Xác nhận hiệu suất năng lượng xác định phân bổ của chứng nhận ban đầu được cải tiến.*
4.2.2	During an audit, the auditor shall collect and check the audit evidence relating to energy performance that shall contain at least the following: — energy planning (all sections); — operational management; — monitoring, measuring and analysis *Trong quá trình đánh giá, đánh giá viên sẽ thu thập và kiểm tra các bằng chứng đánh giá liên quan đến hiệu suất năng lượng phải chứa ít nhất những điều sau đây:* *- lập kế hoạch năng lượng (tất cả các bộ phận);* *- quản lý hoạt động;* *- giám sát, đo lường và phân tích.*
4.2.4	Major non-conformity: Non-conformity that affects the management system's capacity to achieve expected results Note 1: the following non-conformities may be ranked as major: — audit evidence the energy performance improvement has not been made; — major doubts concerning the presence of any efficient form of process control; — a certain number of minor non-conformities relating to the same requirements or a problem revealing a systemic dysfunction and resulting in a major non-conformity *Sự không phù hợp lớn: Không phù hợp ảnh hưởng đến khả năng của hệ thống quản lý đối với*

	đạt được kết quả mong đợi *Lưu ý 1: các sự không phù hợp sau đây có thể được xếp là không phù hợp lớn:* *- bằng chứng đánh giá cho thấy việc cải thiện hiệu suất năng lượng chưa được thực hiện;* *- những nghi ngờ lớn liên quan đến sự hiện diện của bất kỳ hình thức kiểm soát quy trình;* *- một số lượng không phù hợp nhỏ nhất định liên quan đến các yêu cầu tương tự hoặc vấn đề thể hiện sự không phù hợp hệ thống và dẫn đến một sự không phù hợp lớn.*
5	At the time a decision is to be taken concerning certification, if there is a major nonconformity at one site, the certification will be refused for the full structure until a satisfactory corrective action has been presented. The organisation may not exclude the site in question from the scope of certification during the certification process simply to eliminate the obstacle represented by the major non-conformity *Tại thời điểm đưa ra quyết định chứng nhận, nếu có sự không phù hợp lớn tại một địa điểm, giấy chứng nhận sẽ không được ban hành cho đến khi hành động khắc phục được phê duyệt. Tổ chức không thể loại trừ địa điểm được đề cập trong phạm vi chứng nhận trong quá trình chứng nhận để loại bỏ sự không phù hợp lớn tại địa điểm đó.*
7.1	During monitoring audits, Bureau Veritas Certification shall again review the audit evidence necessary to determine whether the continued improvement in energy performance is working or not *Trong quá trình đánh giá giám sát, Bureau Veritas Certification phải xem xét lại bằng chứng đánh giá cần thiết để xác định sự cải thiện liên tục về hiệu suất năng lượng là có thực hiện hay không.*
7.2	In the case of a multi-site organisation, Bureau Veritas Certification shall verify the following provisions. When non-conformities are noted at one of the sites, whether following an internal audit or certification audit, an investigation must be conducted to determine if the other sites are affected. Bureau Veritas Certification shall ask the organisation in question to review the non-conformities in order to determine if corrections or corrective actions are needed at the other sites. A recording of this review and justifications should be kept *Trong trường hợp một tổ chức nhiều địa điểm, Bureau Veritas Certification phải xác minh những điều khoản sau đây. Khi sự không phù hợp được ghi nhận tại một trong các địa điểm, cho dù sau đánh giá nội bộ hoặc đánh giá chứng nhận, một cuộc kiểm tra phải được tiến hành để xác định xem các địa điểm khác có bị ảnh hưởng. Bureau Veritas Certification phải yêu cầu tổ chức xem xét các sự không phù hợp để xác định xem các chỉnh sửa hoặc hành động khắc phục có cần thiết tại các địa điểm khác. Phải lưu trữ lại các xem xét và chứng minh này.*

Specific rules relating to the certification programmes

OHSAS 18001

Relevant Paragraph/ Điều khoản	Additional rules/ Yêu cầu bổ sung
4.2.3	A non-conformity report is drawn up when one of the following points is noted: · Non-conformity following the non-respect of applicable regulatory and legal requirements in relation to safety, and · Absence of an action plan, or action plan not performed or not relevant, and · Major risk The following situations may exist: 1 – the organisation can provide proof of action implemented within 90 days and the nonconformity is closed. 2 – the non-conformity cannot be closed within 90 days but it does not present a risk to people. The production of a detailed action plan and proof of the implementation of the

	first stages of the action plan can close the non-conformity. A control is obligatory during the monitoring visits. 3 – the non-conformity cannot be closed within the 90 days and it presents a risk to people: immediate curative action must be deployed to bring the risk down to an acceptable level; proof of the curative action must be provided. The implementation of curative action and the detailed action plan can close the nonconformity. A control is obligatory during the monitoring visits *Báo cáo không phù hợp được lập khi một trong các điểm sau được ghi chú:* *· Không tuân thủ theo quy định của pháp luật và các yêu cầu pháp lý liên quan đến an toàn và* *· Không có kế hoạch hành động hoặc kế hoạch hành động không được thực hiện hoặc không có liên quan và* *· Rủi ro lớn* *Các tình huống sau đây có thể xảy ra:* *1 - tổ chức có thể cung cấp bằng chứng của hành động được thực hiện trong vòng 90 ngày để khắc phục sự không phù hợp.* *2 - không phù hợp không thể khắc phục trong vòng 90 ngày nhưng không có nguy cơ đến con người. Việc thiết lập một kế hoạch hành động chi tiết và bằng chứng thực hiện các bước đầu tiên của kế hoạch hành động có thể đóng sự không phù hợp. Một cuộc kiểm soát bắt buộc được thực hiện trong lần đánh giá giám sát.* *3 - sự không phù hợp không thể khắc phục trong vòng 90 ngày và nó mang lại rủi ro cho com người: hành động sửa chữa ngay lập tức phải được triển khai để đưa nguy cơ xuống mức chấp nhận được; bằng chứng về hành động sửa chữa phải được cung cấp.* *Việc thực hiện hành động sửa chữa và kế hoạch hành động chi tiết có thể khắc phục sự không phù hợp. Một cuộc kiểm soát bắt buộc được thực hiện trong lần đánh giá giám sát.*

Specific rules relating to the certification programmes
ISO TS 16949/ IATF 16949

Relevant Paragraph/ Điều khoản	**Additional rules/ Yêu cầu bổ sung**
1.1.2	For multi-site contracts, sampling is not permitted *Đối với hợp đồng có nhiều địa điểm, không được phép đánh giá lấy mẫu*
4	Consultants may not participate in the audits *Tư vấn viên không được phép tham gia vào cuộc đánh giá*
4.1	Phase 1 must be conducted on-site *Đánh giá giai đoạn 1 phải thực hiệ tại hiện trường*
4.2.3	In the event of major NCs, the organisation must provide an analysis of the causes and corrective actions within 20 days *Trong trường hợp có NC lớn, tổ chức phải cung cấp phân tích nguyên nhân và hành động khắc phục trong vòng 20 ngày.*
5	The final report is sent to the IATF *Báo cáo cuối cùng phải gởi đến IATF*
6	Use of the IATF logo is prohibited *Không được sử dụng logo của IATF*
7.1	Follow-up audits should be programmed on the anniversary of the certification decision, with a leeway of -3 months to + 1 month *Đánh giá theo dõi phải được lên chương trình trong phạm vi – 3 tháng đến + 1 tháng*
8	A renewal audit should be performed between -3 months and + 0 of the last day of the

	previous certification audit *Đánh giá tái chứng nhận phải được thực hiện trong phạm vi – 3 tháng và +0 kể từ ngày cuối cùng của cuộc đánh giá chứng nhận trước đó.*
11	If the organisation is monitored by an automobile manufacturer, it must provide this information to Bureau Veritas Certification within 5 days *Nếu tổ chức được kiểm soát bởi một nhà sản xuất linh kiện ô tô, phải thông báo thông tin này đến Bureau Veritas Certification trong vòng 5 ngày*
14	Any decision to suspend certification is also sent to the IATF *Bất kỳ quyết định đình chỉ giấy chứng nhận nào cũng phải được gởi đến IATF*